TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
————————

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **79/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2023
V/v tranh chấp: **Ly hôn**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan
2. Ông Đào Văn Hoan

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 524/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc **"Tranh chấp ly hôn"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX-ST ngày 02/02/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Mai Trọng T** - sinh năm 1989
Nơi cư trú: Căn hộ 308, nhà A11, tập thể T, phường T, Quận T, Hà Nội - Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: **Chị Nguyễn Thu H** - sinh năm 1994
Nơi cư trú: Căn hộ 308, nhà A11, tập thể T, phường T, Quận T, Hà Nội - Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Mai Trọng T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thu H trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Hà Nội vào ngày 23/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại căn hộ 308, nhà A11, tập thể T, phường T, Quận T, Hà Nội. Chung sống hòa thuận đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Từ tháng 10/2018, vợ chồng sống ly thân. Nay anh xin ly hôn chị H vì xác định tình cảm không còn. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Mai Hoàng Đ, sinh ngày 08/07/2016. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề kinh doanh hàng ăn, thu nhập trung bình 30.000.000đồng - 40.000.000 đồng/ tháng

- Về tài sản chung (gồm động sản, bất động sản) và các khoản nợ chung: Anh và chị H không có tài sản, nhà ở chung nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Anh và chị H không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Bị đơn là chị Nguyễn Thu H trình bày*:** Chị xác nhận lời trình bày của anh T về thời gian, điều kiện kết hôn và thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Theo chị mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10 năm 2018. Nguyên nhân là do cả hai vợ chồng đều có lỗi, chị có ham chơi, chưa làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ nhưng bản thân anh T cũng có quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 10/2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Đến nay, anh T xin ly hôn quan điểm của chị là đồng ý ly hôn vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung như anh T trình bày. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị là nhân viên bán hàng, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 - 10.000.000 đồng/tháng.

Nếu được nuôi con, chị và con sẽ về ở cùng bố mẹ chị tại thôn Đ, xã P, huyện S.

- Về tài sản chung (gồm động sản, bất động sản chung): Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Anh T trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị H vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung: Nếu chị H muốn nuôi con anh cũng đồng ý giao con chung là Mai Hoàng Đ, sinh ngày 08/07/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng; Về tài sản chung, nhà đất chung, nợ chung: Anh xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Chị H trình bày:* Chị không muốn ly hôn vì muốn giữ gia đình cho con nhưng nếu anh T kiên quyết ly hôn, chị đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Chị có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chị cũng đồng ý; Về tài sản chung, nhà đất chung, nợ chung: Chị xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Thanh Xuân tham gia phiên toà có quan điểm*:**

- *Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng:* Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Thẩm phán đã xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn - anh Mai Trọng T và bị đơn - chị Nguyễn Thu H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại quận Thanh Xuân nên Toà án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án đã tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại các điều 97, 98, 101, 104 Bộ luật tố tụng dân sự; Về tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:Toà án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định tại các điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã tuân thủ thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự ;Việc tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật; Sau khi ra Quyết định xét xử, Tòa án chuyển hồ sơ và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và tống đạt hợp lệ đến đương sự;

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Toà án: Quá trình giải quyết vụ án, thư ký Toà án tại phiên toà: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, chấp hành đúng các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật; Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thư ký quy định tại điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:* Về cơ bản, nguyên, bị đơn đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Mai Trọng T đối với chị Nguyễn Thu H, xử cho anh Mai Trọng T được ly

hôn chị Nguyễn Thu H; Về con chung: Giao con chung là Mai Hoàng Đ, sinh ngày 08/07/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn - anh Mai Trọng T có đơn xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thu H (có địa chỉ thường trú tại căn hộ 308, nhà A11, tập thể T, phường T, Quận T, Hà Nội), căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung:

Anh Mai Trọng T và chị Nguyễn Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 164/2015 ngày 23/12/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hoà hợp về tính cách, lối sống. Ngoài ra, theo chị H, cả anh và chị đều có lỗi trong việc không hoàn thành trách nhiệm đối với gia đình, con chung. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn. Chị H không muốn ly hôn nhưng từ năm 2018 đến nay, bản thân chị cũng không có biện pháp gì để bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh T, chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Mai Hoàng Đ, sinh ngày 08/07/2016

Quá trình giải quyết vụ án, cả anh T, chị H đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay, anh T nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Hoàng Đ. Xét đây là sự thoả thuận của các đương sự, không trái quy định của pháp luật

nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao con chung của anh chị cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nhưng anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng, chị H nhất trí. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/ tháng kể từ ngày bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác

Anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung (động sản+ bất động sản) chung: Anh chị thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh chị đều xác nhận không có khoản nợ chung nào nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Hà Nội, anh Thành còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Mai Trọng T đối với chị Nguyễn Thu H.

Xử cho anh Mai Trọng T được ly hôn chị Nguyễn Thu H

[2]. Về con chung: Giao con chung của anh chị là Mai Hoàng Đ, sinh ngày 08/07/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3].Về tài sản chung (gồm động sản + bất động sản chung) và các khoản nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét

[4].Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007794 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS Q.Thanh Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án

Đỗ Thị Diệu Thúy

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hoàng Mai
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Diệu Thúy